TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1253/**2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2017
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Văn Cảm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 299/2015/TLST-HNGĐ ngày 21/7/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 545/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 3952/2017/QĐ-ST ngày 21/8/2017; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Ông Y, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)
Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Bà và ông Y tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn Số E quyển số D ngày 27/9/2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại Việt Nam đến tháng 11 năm 2010 thì ông Y trở về Đài Loan. Kể từ đó, vợ chồng bà không còn liên lạc với nhau, ông Y không có ý định làm các thủ tục để lo cho bà sang Đài Loan cùng chung sống. Bà xác định tình cảm vợ chồng ở thời điểm hiện tại không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên khởi kiện xin được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Y: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Y có văn bản gửi tòa án trình bày ý kiến về việc Bà Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 1007/UTTPDS-TA ngày 06/8/2015 và 1192/TTTPHNGĐ-TLĐ ngày 02/11/2016). Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 15/02/2017 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc xét xử theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Do thời gian xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; cùng lời trình bày của đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Y có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hiện đang định cư tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của ông Y. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn Số E quyển số D ngày 27/9/2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2010, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Mộng T với ông Y được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của Bà Nguyễn Thị Mộng T thì sau khi kết hôn, bà cùng chồng chung sống tại Việt Nam trong một thời gian ngắn rồi ông Y trở về nước. Sau khi về Đài Loan, ông Y không làm thủ tục để bà cùng xuất cảnh, đoàn tụ gia đình. Từ đó, hai người không còn ở chung hay liên lạc gì với nhau. Đến nay, nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên khởi kiện yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Y.

Đối với bị đơn ông Y hiện đang định cư tại Đài Loan, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp 02 lần theo quy định để yêu cầu ông Y có ý kiến bằng văn bản gửi tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông Y không có ý kiến phản hồi; Tòa án tiến hành giải quiyết vụ án theo luật định, đồng thời bà T phải chịu trách nhiệm về lời khai của mình khi giải quyết vụ án này.

Xét thấy, việc quen biết để tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau trong khoảng thời gian ngắn nên tình cảm vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị Mộng T với ông Y không sâu đậm, chưa thể hiện được sự thấu hiểu và gắn kết trong cuộc sống chung. Chỉ một thời gian không dài sau khi kết hôn, ông Y trở về Đài Loan sinh sống, vợ chồng không còn liên hệ với nhau cho đến nay đã trên bảy năm; điều này cho thấy cuộc hôn nhân giữa bà T và ông Y không hạnh phúc và khó còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Y để mỗi người tự lập cuộc sống riêng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Mộng T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với ông Y.

Giấy chứng nhận kết hôn Số E quyển số D ngày 27/9/2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 08879 ngày 10/7/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Giang